

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 735/2022/HS-PT

Ngày: 12/10/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lê;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;
Bà Phan Thị V Hương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Phong, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 419/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Dương Phương T, Đỗ Thị Thu H phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2022/HS-ST ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Dương Phương T, sinh năm 1984; HKTT: 122 ấp 2 xã Đ, huyện H3, thành phố H2; chỗ ở: TM15 chung cư H4, phường A, quận B, thành phố H2 (nay là: B0.11 cao ốc A, địa chỉ 36-40 đường số 7 khu phố 5 phường A, quận B, thành phố H2; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 và bà Dương Kim H5, sinh năm 1964; chồng là Đặng Ngọc T2, sinh năm 1980; có 02 con, sinh năm 2011 và sinh năm 2014; gia đình có 04 chị em, bị cáo thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2020 đến ngày 27/01/2021, hiện tại ngoại.

2. Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1974; HKTT và chỗ ở: Số 18 ngõ T3, phường C, quận H6, thành phố H1; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Đỗ

Mạnh C1 (đã chết) và bà Bùi Thị B1, sinh năm 1955; có chồng là Lâm Mạnh H7, sinh năm 1974; có 04 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2020 đến ngày 13/11/2020, hiện tại ngoại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 04/11/2020, Công an phường C, quận H6, H1 nhận được tin báo của chị Nguyễn Thúy V, sinh năm 1973 là chủ khách sạn P; Địa chỉ 149 L, phường C, quận H6, H1 với nội dung: Có 01 phụ nữ người Việt Nam đến thuê phòng nghỉ cho 03 khách người Trung Quốc, không có giấy tờ tùy thân, chị Nguyễn Thúy V không cho khách thuê phòng, nhóm khách bỏ đi thì chị Nguyễn Thúy V đã gọi điện báo Công an phường C, quận H6, thành phố H1. Nhận được tin báo, Công an phường C đã báo tin cho Công an quận H6 phối hợp với phòng An ninh điều tra - Công an thành phố H1 xuống địa bàn rà soát và kiểm tra. Quá trình kiểm tra, rà soát phát hiện bị cáo Đỗ Thị Thu H đi cùng 03 người Trung Quốc (YE RONG GUI, sinh ngày 06/02/1997, hộ chiếu: EE6601657, CHEN WEI BIN, sinh ngày 14/6/1996, hộ chiếu: EH8033199, CHEN WEN PING, sinh ngày 19/11/1996; Thẻ công dân số: 620503199611196018, không có hộ chiếu) không có giấy tờ nhập cảnh vào Việt Nam, đang có mặt tại khu vực ngã ba L, T4, quận H6, H1, tổ công tác đã đưa bị cáo Đỗ Thị Thu H cùng 03 người Trung Quốc về trụ sở Công an phường C làm việc. Tại Công an phường C, bị cáo Đỗ Thị Thu H đã viết đơn xin đầu thú về hành vi phạm tội và khai 03 người Trung Quốc trên do bị cáo Nguyễn Dương Phương T, sử dụng số điện thoại 0939.668.777 thuê bị cáo đón 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Cùng ngày, Cơ quan An ninh điều tra ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Đỗ Thị Thu H thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI màu đen đã qua sử dụng.

Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố H1 đã triệu tập Nguyễn Dương Phương T đến làm việc. Quá trình điều tra xác định như sau: Qua quan hệ xã hội, bị cáo Nguyễn Dương Phương T có quen người đàn ông tên L1 (là người Việt Nam hiện sống tại Campuchia, không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể), L1 thỏa thuận với Nguyễn Dương Phương T: Thuê khách sạn và đưa, đón 03 người Trung Quốc không có giấy tờ tùy thân từ H1 vào thành phố H2 thì L1 sẽ trả công cho Nguyễn Dương Phương T là 01 triệu đồng/01 người. Do Nguyễn Dương Phương T bận công việc và không thông thạo địa bàn Hà Nội nên vào

đầu tháng 11/2020, Nguyễn Dương Phương T đã thuê Đỗ Thị Thu H đón 03 người Trung Quốc là YE RONG GUI, CHEN WEI BIN, CHEN WEN PING nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để du lịch. Theo thỏa thuận với Đỗ Thị Thu H, Đỗ Thị Thu H có nhiệm vụ đón khách tại H1, sau đó bố trí chỗ ăn, ở, mua vé tàu hỏa và đưa khách về H2. Nếu hoàn thành xong công việc, Nguyễn Dương Phương T sẽ trả công cho Đỗ Thị Thu H là 01 triệu đồng/01 người. Theo thỏa thuận, trưa ngày 04/11/2020, Đỗ Thị Thu H đi xe ôm đến cổng Trung tâm thương mại AEON MALL L2, H1 đón 03 người Trung Quốc trên, thuê taxi đưa về khách sạn P tại 149 L, phường C, quận H6, H1. Quá trình đón 03 người này, Đỗ Thị Thu H được Nguyễn Dương Phương T chỉ đạo thu 2.600USD (Hai nghìn sáu trăm đô la Mỹ) của một người Trung Quốc, Đỗ Thị Thu H đã thu của Chen Wen Ping số tiền trên và liên hệ với người có tên zalo Vân Nguyễn, số điện thoại: 094.899.3959 để chuyển tiền. Tất cả những người Trung Quốc mà Nguyễn Dương Phương T thuê Đỗ Thị Thu H đưa, đón đều không có giấy tờ tùy thân, các đối tượng không biết cụ thể thời gian họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sau đó, Đỗ Thị Thu H liên hệ với lái xe có số điện thoại 0365.401.791 đón 03 người Trung Quốc (Đỗ Thị Thu H không nhớ BKS, nhãn hiệu xe). Bị cáo Đỗ Thị Thu H đưa 03 người Trung Quốc về khách sạn P để nghỉ và chờ đến tối đi tàu về N1, khi đến khách sạn do không xuất trình được giấy tờ, khách sạn không cho lưu trú lại. Bị cáo Đỗ Thị Thu H dẫn 03 người Trung Quốc ra quán cafe khu vực ngã ba L thì bị Công an kiểm tra, yêu cầu về Công an phường C làm việc.

Ngoài ra, khoảng ngày 26/10/2020, bị cáo Nguyễn Dương Phương T còn thuê bị cáo Đỗ Thị Thu H đưa, đón khách Trung Quốc, cụ thể:

- Đưa 03 người Trung Quốc (không xác định) từ thành phố H2 đi tàu hỏa đến ga H1. Tại đây, có một xe ô tô do Nguyễn Dương Phương T bố trí đón 03 người này đi L2 để trở về Trung Quốc. Theo thỏa thuận, lần này Đỗ Thị Thu H được Nguyễn Dương Phương T trả công 03 triệu đồng, số tiền này Nguyễn Dương Phương T đã chuyển khoản cho Đỗ Thị Thu H vào ngày 28/10/2020, cụ thể: Nguyễn Dương Phương T chuyển cho Đỗ Thị Thu H 12 triệu đồng trong đó bao gồm 4.000.000đ tiền mua 04 vé tàu cho Đỗ Thị Thu H và khách, 6.000.000đ Nguyễn Dương Phương T vay Đỗ Thị Thu H và 02 triệu đồng tiền công (trong 03 triệu tiền công Đỗ Thị Thu H nhờ Nguyễn Dương Phương T trích ra 01 triệu đồng gửi biếu mẹ Nguyễn Dương Phương T, Đỗ Thị Thu H nhận 2.000.000đ. Đỗ Thị Thu H đã sử dụng tên giả cho những người Trung Quốc này để đặt mua vé tàu với giá là khoảng 01 triệu đồng/01 người, rồi chờ khi khách qua cửa soát vé đồng thì lên đưa khách Trung Quốc lên tàu. Trên tàu, Đỗ Thị Thu H và số người Trung Quốc đó chia nhau ra ngồi ở những khu vực kín đáo, ít người để ý,

Đỗ Thị Thu H cũng yêu cầu số khách Trung Quốc đó không được nói chuyện để tránh bị phát hiện.

- Đỗ Thị Thu H tiếp tục đón khách Trung Quốc khác do Nguyễn Dương Phương T đưa đi từ TP. H2 đến ga H1. Đỗ Thị Thu H thuê nhà nghỉ cho khách này nghỉ để chờ ngày hôm sau có xe đón đưa họ đi L2 về Trung Quốc. Lần đón khách này, Đỗ Thị Thu H chỉ làm giúp Nguyễn Dương Phương T, không được hưởng lợi gì. Đỗ Thị Thu H chỉ giúp mua vé tàu cho Nguyễn Dương Phương T, còn việc Nguyễn Dương Phương T đưa người Trung Quốc này đi cụ thể như thế nào thì Đỗ Thị Thu H không được biết. Lúc đầu, Đỗ Thị Thu H đã thuê nhà nghỉ ở địa chỉ 41 ngõ T3, phường C, H6, H1 cho số khách này. Tuy nhiên, số khách này không có giấy tờ tùy thân theo quy định nên chủ nhà nghỉ đã không cho họ lưu trú. Đỗ Thị Thu H đưa họ đi thuê nhà nghỉ tại khu vực đường Giải Phóng (hiện không nhớ địa chỉ cụ thể), đến hôm sau thì đưa họ ra khu vực gần ga H1 có xe chờ sẵn để đưa họ đi L2.

Quá trình đưa, đón khách, Đỗ Thị Thu H đều làm theo sự chỉ đạo của Nguyễn Dương Phương T. Đỗ Thị Huyền và Nguyễn Dương Phương T không có quan hệ, không biết thông tin gì về số khách Trung Quốc này; về số khách Trung Quốc mà Đỗ Thị Thu H đưa, đón đều là nguồn khách của Long, Long hướng dẫn Nguyễn Dương Phương T thời gian, địa điểm và bố trí sẵn xe để đưa đón khách, sau đó Nguyễn Dương Phương T chỉ đạo và hướng dẫn Đỗ Thị Thu H thực hiện. Mọi chi phí ăn ở, đi lại của khách Trung Quốc, Nguyễn Dương Phương T khai do L1 không đi cùng nên Nguyễn Dương Phương T ứng tiền ra để chi trả trước, sau đó Long sẽ thanh toán cho Nguyễn Dương Phương T.

Về việc mua vé tàu cho 03 người Trung Quốc ngày 04/11/2020: Qua một số lần gửi hàng vào TP H2 bằng đường tàu hỏa, Đỗ Thị Thu H đã xin được số điện thoại của một số nhân viên trên tàu. Sau đó, Đỗ Thị Thu H đã liên hệ với anh Phạm Mạnh T7 nhờ mua vé tàu, tuy nhiên do anh Phạm Mạnh T7 không đi chuyến ngày 04/11/2020 nên đã cho Đỗ Thị Thu H số điện thoại của anh Lê Văn N5, Đỗ Thị Thu H đã liên lạc với anh Lê Văn N5 để liên hệ đặt mua vé tàu. Đỗ Thị Thu H nhờ anh Lê Văn N5 đặt mua 04 vé tàu từ H1 đi N1. Đỗ Thị Thu H đã cung cấp thông tin của khách đi tàu cho anh Lê Văn N5 để anh Lê Văn N5 đặt vé (gồm: Lê Văn H8, Lê Văn D3, Hoàng Văn D4, Hoàng Thanh T8). Đỗ Thị Thu H không nói cho anh Lê Văn N5 về việc khách đi là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép Việt Nam.

Về việc anh Lê Văn N5, Lê Hoài A2, Phạm Mạnh T7 thuộc Công ty CP đường sắt S, khi Đỗ Thị Thu H nhờ anh Lê Văn N5 mua vé tàu, Đỗ Thị Thu H đã cung cấp thông tin khách đi (đều là thông tin giả) cho anh Lê Văn N5, Đỗ Thị

Thu H không nói cho anh Lê Văn N5 về việc khách đi là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép Việt Nam. Người làm thủ tục bán vé cho anh Lê Văn N5 là anh Nguyễn Hoài A2, do thấy anh Lê Văn N5 là nhân viên cùng Công ty nên anh Nguyễn Hoài A2 chỉ nhập thông tin khách đi và xuất vé, không kiểm tra giấy tờ tùy thân của khách theo quy định. Những người này không biết, không tham gia vào hành vi phạm tội của Đỗ Thị Thu H và Nguyễn Dương Phương T nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Đối với anh Nguyễn Hoài A2 là nhân viên bán vé, khi anh Lê Văn N5 đến mua vé do làm cùng Công ty nên anh Nguyễn Hoài A2 tin tưởng chỉ nhập thông tin tên khách đi và xuất vé mà không kiểm tra thông tin giấy tờ tùy thân của khách theo quy định, anh Nguyễn Hoài A2 đã không thực hiện đúng quy định về xuất bán vé, Cơ quan điều tra sẽ có văn bản đề nghị Công ty Cổ phần đường sắt S có hình thức xử lý đối với anh Nguyễn Hoài A2 theo quy định của Công ty.

Người đàn ông tên Long đã nhờ Nguyễn Dương Phương T đón 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép Việt Nam: Do Nguyễn Dương Phương T chỉ biết tên, không biết thông tin cụ thể về Long nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ về người này.

Ngoài lần tổ chức đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép Việt Nam ngày 04/11/2020, Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H khai còn đưa, đón khách Trung Quốc vào ngày 26/10/2021. Tuy nhiên, do Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H không nhớ thông tin cụ thể về khách đi như: tên, tuổi, địa chỉ cũng không lưu giữ tài liệu gì liên quan đến việc này nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xác minh, làm rõ về các lần đón, đưa khách này, không đề cập xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2022/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1 đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 348, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Nguyễn Dương Phương T 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2020 đến ngày 27/01/2021.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 348, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Đỗ Thị Thu H 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2020 đến ngày 13/11/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/3/2022, các bị cáo Nguyễn Dương Phương T, Đỗ Thị Thu H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội; bổ sung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo; các bị cáo đã cung cấp thêm các tài liệu mới, cụ thể:

* Đối với bị cáo Nguyễn Dương Phương T, bị cáo xuất trình các tài liệu gồm:

- Bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2020/065359 ngày 07/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H1;
- Giấy xác nhận chấp hành pháp luật tại địa phương ngày 06/10/2022;
- Đơn có xác nhận của Công an và Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố H2 về gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn;
- Kết quả và giấy tờ khám, điều trị của bà Dương Kim Hạnh là mẹ bị cáo đang bị Ung thư tử cung di căn.
- Quyết định thuận tình ly hôn của bị cáo.
- Huân chương chiến công hạng ba của ông Nguyễn Văn Phi (là ông của bị cáo).

Bị cáo mong được Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc, điều trị bệnh cho mẹ và nuôi các con nhỏ đang đến tuổi đi học.

* Bị cáo Đỗ Thị Thu H xuất trình các tài liệu mới gồm:

- Bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2020/065358 ngày 07/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H1;
- Huân chương kháng chiến hạng nhì của ông Lê Quang M (là bố chồng bị cáo);
- Huy chương kháng chiến hạng nhì của bà Lê Thị T9 (là mẹ chồng bị cáo);
- Giấy khám bệnh của anh Lâm Mạnh H9 (là chồng bị cáo);
- Giấy khám bệnh của cháu Lâm An B3 (là con của bị cáo).

Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo đang nuôi 4 con nhỏ, mẹ bị cáo già yếu ốm đau, bị cáo là trụ cột chính trong gia đình do chồng bị cáo

vừa mổ thoát vị bẹn, sỏi thận, mỡ máu; chồng bị cáo hiện nay chỉ nằm nhà không lao động được; con của bị cáo thường xuyên ốm đau. Bố mẹ chồng bị cáo là người có công cách mạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Kháng cáo các bị cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay 2 bị cáo bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo. Theo các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các bị cáo có đủ căn cứ xác định các hành vi phạm tội của các bị cáo như bản án sơ thẩm đã quy kết. Xét về vai trò các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Thảo là người giữ vai trò chính trong vụ án.

Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo xuất trình thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới được ghi nhận ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và thấy rằng tại thời điểm các bị cáo phạm tội, tình hình dịch bệnh Covid rất phức tạp, việc đưa người nhập cảnh trái phép là nguy hiểm, không đảm bảo an ninh trật tự xã hội. Mức án Tòa án cấp sơ thẩm quy kết đối với các bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 04/11/2020, theo sự chỉ đạo của người tên L1, bị cáo Nguyễn Dương Phương T đã có hành vi thuê bị cáo Đỗ Thị Thu H đón, đưa, bố trí chỗ ăn, ở cho 03 người Trung Quốc là: Chen Wen P3, Chew Wei B4, Ye Rong G đều không có giấy tờ tùy thân nhập cảnh Việt Nam trái phép, khi bị cáo Huyền cùng 03 người Trung Quốc đi ra khu vực ngã ba L thì bị Công an kiểm tra bắt giữ, các bị cáo Đỗ Thị Thu H và Nguyễn Dương Phương T hứa sẽ được trả công số tiền 3.000.000đ. Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H đã phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Dương Phương T 30 tháng tù; Đỗ Thị Thu H 18 tháng tù là có căn cứ.

Đối với bị cáo Nguyễn Dương Phương T: Trong vụ án này, bị cáo là người nhận thông tin từ người đàn ông tên L1 (không rõ lai lịch cụ thể) và thỏa thuận với L1 về việc đón 03 người Trung Quốc từ Hà Nội vào thành phố H2 để được nhận tiền công. Do bận công việc nên bị cáo đã thuê Đỗ Thị Thu H đón 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để du lịch. Do đó, bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo sự hướng dẫn của Long, bị cáo không biết được những người Trung Quốc đó địa chỉ ở đâu, bị cáo chưa được hưởng lợi gì, sự việc phạm tội chưa gây thiệt hại lớn. Sau khi phạm tội, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, hối hận về hành vi phạm tội; trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu. Bị cáo xuất trình những tài liệu mới gồm: Bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2020/065359 ngày 07/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H1; Đơn xác nhận của Công an và Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố H2 về gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; hiện nay mẹ bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo bị Ung thư tử cung di căn, phải thường xuyên điều trị tại Bệnh viện (có kết quả và

giấy tờ khám điều trị); bị cáo đã ly hôn chồng (có Quyết định thuận tình ly hôn), một mình bị cáo nuôi 02 con nhỏ đến tuổi đi học, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của bị cáo; bị cáo là lao động chính, trụ cột trong gia đình, nếu bị cáo phải thi hành án phạt tù thì mẹ già và 02 con nhỏ không biết phải nương tựa vào ai; bị cáo xuất trình Huân chương chiến công hạng ba của ông Nguyễn Văn Ph1 (là ông bị cáo) thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xem xét toàn diện vụ án, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án hình sự phúc thẩm về phần hình phạt để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Thị Thu H: Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo được Nguyễn Dương Phương T thuê để đưa 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để du lịch, bị cáo chưa được hưởng lợi gì, do đó bị cáo giữ vai trò đồng phạm thứ yếu; sau khi phạm tội, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do không hiểu biết pháp luật; gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu mới gồm Huân chương kháng chiến hạng nhì của ông Lâm Quang M (là bố chồng bị cáo) và tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì của bà Lê Thị T9 (là mẹ chồng bị cáo) thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo đã nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2020/0065358 ngày 07/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H1; gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo đang nuôi 4 con nhỏ, mẹ bị cáo già yếu, chồng bị cáo và con bị cáo thường xuyên ốm đau, chồng bị cáo hiện nay chỉ nằm nhà không lao động được, bị cáo là lao động chính, trụ cột trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án hình sự phúc thẩm về phần hình phạt để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2022/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1 đối với phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H, cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”.

- Áp dụng điểm khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Dương Phương T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Dương Phương T cho Ủy ban nhân dân phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố H2 để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Dương Phương T đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2020/065359 ngày 07/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H1;

- Áp dụng điểm khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thu H 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân phường C, quận H6, thành phố H1 để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Ghi nhận bị cáo Đỗ Thị Thu H đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2020/065358 ngày 07/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H1;

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Dương Phương T và Đỗ Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp H1;
- VKSND tp H1;
- Công an tp H1;
- Cục THADS tp H1;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lệ